

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2020/HS-ST**
Ngày 28-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 09 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1- Nguyễn Văn B-bc1, sinh năm 1988 tại An Minh, Kiên Giang; Giới tính: nam; Nơi cư trú: ấp AB, xã BA, huyện Châu Thành, Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Th và bà Phan Thị U; vợ là Huỳnh Kim C-bc2 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; Về nhân thân: Ngày 14/9/2007, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang áp dụng biện pháp Đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng về hành vi Gây rối trật tự công cộng, chấp hành tại Cơ sở giáo dục Cồn Cát; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25-5-2020 đến ngày 30-5-2020 chuyển tạm giam cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện An Minh (có mặt tại phiên tòa).

2- Huỳnh Kim C-bc2, sinh năm 1997 tại Châu Thành, Kiên Giang; Giới tính: nữ; Nơi cư trú: ấp AB, xã BA, huyện Châu Thành, Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn

giáo: không; con ông Huỳnh Văn H và bà Thị Tr; chồng là Nguyễn Văn B-bc1 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo C-bc2*: Ông Trần Khánh. Trợ giúp viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Kiên Giang; (có mặt tại phiên tòa);

- *Bị hại*: Anh Trần Văn S-bh, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp 10B, xã TH, huyện An Minh, Kiên Giang; (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 23/5/2020, Nguyễn Văn B-bc1 điều khiển xe mô tô WAVE ALPHA biển số 68B1- 235.25 chở vợ là Huỳnh Kim C-bc2 đi từ nhà ở ấp AB, xã BA, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đến địa bàn huyện An Minh để tìm xe máy lấy trộm bán kiếm tiền tiêu xài. B-bc1 điều khiển xe chạy theo tuyến lộ Hành lang ven biển phía nam, đến cầu Kênh Mười Quang thì rẽ trái đi vào đường lộ bê tông. Khi đi ngang nhà ông Phạm Tuấn A thuộc ấp TH, xã DT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thì B-bc1 và C-bc2 phát hiện có nhiều xe máy đậu trước hiên nhà không có người trông giữ nên dừng xe lại, C-bc2 ở ngoài cảnh giới còn B-bc1 đi vào tiếp cận dắt C-bc2 lên xe AIR BLADE, biển số 68M1- 275.91, màu Đỏ của anh Trần Văn S-bh, thường trú ấp TT A, xã DT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang ra lộ, rồi dắt tiếp một đoạn khoảng 30m. Sau đó B-bc1 điều khiển chiếc xe WAVE ALPHA đẩy chiếc xe AIR BLADE vừa lấy trộm được do C-bc2 ngồi cầm lái đi về hướng ngã tư Kênh Mười Quang, đi được khoảng 02km thì sợ bị phát hiện, nên B-bc1 dắt chiếc xe AIR BLADE vào bụi chuối bên đường cất giấu, rồi điều khiển xe WAVE ALPHA chở C-bc2 về nhà.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, B-bc1 điều khiển xe WAVE ALPHA chở C-bc2 quay lại nơi đã cất giấu chiếc xe AIR BLADE, B-bc1 điều khiển xe WAVE ALPHA và đẩy xe AIR BLADE do C-bc2 cầm lái về thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đậu chiếc xe AIR BLADE gần cửa hàng mua bán xe Thành Phát rồi về nhà ngủ. Khoảng 08 giờ ngày 24/5/2020, B-bc1 và C-bc2 mang xe vào cửa hàng Thành Phát thay ổ khóa mới rồi đem xe đi

đến tiệm cầm đồ của anh Danh Thành T, thuộc ấp AK, xã MH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để bán thì bị lực lượng Công an phát hiện lập biên bản.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn B-bc1 và Huỳnh Kim C-bc2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe AIR BLADE biển số 68M1- 275.91 của anh Trần Văn S-bh. Ngoài ra, B-bc1 và C-bc2 còn khai nhận chiếc xe WAVE ALPHA biển số 68B1- 235.25 dùng làm phương tiện đi trộm là do cả hai lấy trộm được trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, sau khi lấy trộm B-bc1 sơn lại, tháo bỏ biển số và gắn một biển số xe của huyện An Biên vào để sử dụng. Trước đó, B-bc1 và C-bc2 cũng đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe máy trên địa bàn huyện An Biên, Cơ quan điều tra Công an huyện An Biên đã ra quyết định khởi tố vụ án và đang tiến hành các hoạt động điều tra.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản số: 22/KL-HDDG ngày 05/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Minh, kết luận: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe AIRBLDE, biển số 68M1- 275.91 màu đỏ - bạc - đen, số khung 632XHZ071796, số máy JF63E2085938 giá trị còn lại là 37.368.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ một số vật chứng sau: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe AIRBLDE, biển số 68M1- 275.91 màu đỏ - bạc - đen, số khung 632XHZ071796, số máy JF63E2085938 đã qua sử dụng; 01(Một) giấy chứng nhận đăng ký xe tên Trần Văn S-bh, biển kiểm soát 68M1- 275.91; 01(Một) giấy chứng minh nhân dân số 371660091 tên Trần Văn S-bh; 01(Một) sổ hộ khẩu gia đình số 13271; (Đã trả lại cho anh S-bh). 01 (Một) xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA màu đỏ - đen - bạc, số máy HC12E3283827, số khung RLHHC1208BY483822 (đã bàn giao cho Công an huyện Châu Thành); 01 (Một) biển số xe 68B1 - 235.25 (đã bàn giao cho Công an huyện An Biên).

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKSAM ngày 07-9-2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang truy tố Nguyễn Văn B-bc1 và Huỳnh Kim C-bc2 về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Kiểm sát viên kết luận các bị cáo B-bc1, C-bc2 phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo B-bc1 từ 09 đến 12 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm s khoản 1 và khoản 2

Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo C-bc2 từ 06 đến 09 tháng tù. Về tang vật xử lý theo quy định; Trách nhiệm dân sự đã bồi thường xong.

- Các bị cáo thừa nhận hành vi đúng như nội dung cáo trạng và kết luận của Kiểm sát viên, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều trình bày đã biết lỗi, rất hối hận về hành vi của mình; xin HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo C-bc2 xin xem xét, giảm nhẹ hơn để tạo điều kiện cho bị cáo ở ngoài để nuôi con.

- Bị hại anh S-bh xác định đã nhận đủ tài sản bị trộm, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C-bc2 để bị cáo lo cho các con còn nhỏ.

- Người bào chữa cho bị cáo C-bc2 trình bày: thống nhất với tội danh và các tình tiết mà Viện kiểm sát đã nêu. Xin HĐXX xem xét thêm các tình tiết sau: tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi, hoàn trả cho bị hại, không hư hỏng gì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đồng thời bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo, con đông và còn nhỏ; trong khi chồng bị cáo phải đi chấp hành án. Đề nghị HĐXX xem xét toàn diện để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo C-bc2 khoảng 03 tháng tù là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai trước đó tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác. Từ đó, có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 23/5/2020, Nguyễn Văn B-bc1 điều khiển xe WAVE ALPHA biển số 68-B1- 235.25 chở theo vợ là Huỳnh Kim C-bc2 đi từ ấp AB,

xã BA, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đến ấp TH, xã DT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang lấy trộm chiếc xe AIR BLADE, biển số 68M1- 275.91, màu Đỏ, của anh Trần Văn S-bh, thường trú ấp TT A, xã DT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang mang về huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để tiêu thụ thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ. Giá trị tài sản mà Nguyễn Văn B-bc1 và Huỳnh Kim C-bc2 lấy trộm theo Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Minh là 37.368.000 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân; khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản; tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt có giá trị trên 2.000.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội trộm cắp tài sản theo Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Các bị cáo phạm tội khi có từ hai người trở lên cùng cố ý thực hiện tội phạm nên là đồng phạm. Tuy nhiên, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công rõ ràng, chỉ cùng nhau đi thực hiện hành vi chiếm đoạt nên chỉ là đồng phạm giản đơn, không phải là phạm tội có tổ chức. Do đó, Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo B-bc1 và C-bc2 phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Nhằm mục đích chiếm đoạt các bị cáo đã lợi dụng sơ hở chiếm đoạt tài sản của bị hại, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân. Hành vi của các bị cáo đã gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, gây tâm lý lo lắng, bất an và gây sự bất bình trong nhân dân nên cần phải xử lý các bị cáo mức án tương xứng. Ngoài lần phạm tội đang bị xử lý các bị cáo còn thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn huyện khác và đang bị xử lý nên các bị cáo không được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và là tình tiết cần xem xét để xử lý nghiêm đối với các bị cáo.

[6] Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bên cạnh đó tài sản đã được thu hồi, trả lại cho bị hại đầy đủ; các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo B-bc1 không biết chữ, bị cáo C-bc2 được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt. Khi xử lý cần xem xét đến vai trò, tính chất và nhân thân của từng bị cáo trong

đồng phạm như sau: bị cáo B-bc1 là chồng bị cáo C-bc2 đã chủ động rũ rê, lôi kéo bị cáo C-bc2 phạm tội nên trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo C-bc2.

[7] Từ những phân tích nêu trên, tuy bị cáo B-bc1 phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng có nhân thân xấu nên cần cần phải áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định để giáo dục, cải tạo các bị cáo.

Đối với bị cáo C-bc2 là vợ của bị cáo B-bc1 lẽ ra phải khuyên can chồng cùng lao động chân chính để chăm lo gia đình. Nhưng bị cáo đã cùng với bị cáo B-bc1 thực hiện nhiều lần chiếm đoạt tài sản. Lẽ ra phải xử phạt bị cáo C-bc2 bằng hình phạt tù như đề nghị của Kiểm sát viên mới phù hợp với hành vi, tính chất và nhân thân của bị cáo. Tuy nhiên, HĐXX nhận thấy bị cáo có hoàn cảnh thật sự khó khăn; phải lo cuộc sống cho 03 đứa con nhỏ (đứa lớn nhất sinh năm 2012, đứa nhỏ nhất sinh năm 2016), trong khi còn phải sống nhờ cha mẹ của bị cáo C-bc2, mà cha mẹ bị cáo thuộc hộ nghèo. Bên cạnh đó, bị cáo B-bc1 (là chồng của bị cáo C-bc2) phải chịu hình phạt tù nếu xử phạt bị cáo C-bc2 bằng hình phạt tù nữa thì các con bị cáo không ai nuôi dưỡng, chăm sóc, càng tạo thêm gánh nặng cho gia đình, xã hội và tiềm ẩn nhiều nguy hại hơn cho xã hội. Trên cơ sở cân nhắc, đánh giá toàn diện về hoàn cảnh gia đình bị cáo và tính chất của vụ án, HĐXX thấy nên xử phạt bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ để thể hiện sự khoan hồng đặc biệt của Nhà nước đối với bị cáo C-bc2. Qua đó nhằm tạo điều kiện tối đa cho bị cáo nuôi dưỡng con cái và cơ hội để bị cáo sửa chữa lỗi lầm. Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định nên HĐXX miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong giai đoạn thi hành án

[8] Về trách nhiệm dân sự, bị hại xác định đã nhận lại đủ tài sản; không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét.

[9] Về vật chứng gồm: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra và việc xử lý phù hợp quy định nên không xét.

[10] Về án phí, bị cáo B-bc1 chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; bị cáo C-bc2 được miễn nộp tiền án phí do là cá nhân thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí.

[11] Đối với hành vi trước đây của bị cáo B-bc1 có dấu hiệu phạm tội khác, Cơ quan điều tra đã thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý thành vụ án khác là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn B-bc1 và Huỳnh Kim C-bc2 phạm tội trộm cắp tài sản.

1.1- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo B-bc1 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 25-5-2020.

1.2- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo C-bc2 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo C-bc2 cho Ủy ban nhân dân xã BA, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong giai đoạn thi hành án.

2- Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xét.

3- Về vật chứng, đã được xử lý xong.

4- Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo B-bc1 chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo C-bc2 được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28-9-2020)/.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Tòa án tỉnh KG;
- Cơ quan THAHS huyện AM;
- Cơ quan THADS huyện AM;
- Bị cáo; BH;
- UBND xã BA, H. Châu Thành, KG;
- Sở TP tỉnh KG;
- Công an huyện, tỉnh;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công